TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **15**/2021/DS-ST Ngày: 27/5/2021 V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Mạnh Đ (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1054 H, tổ dân phố 12, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng P (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Mạnh Đ trình bày*:**

Tôi với bà N, bà P có mối quan hệ từ tháng 10/2010 thông qua người giới thiệu để bà N, chị P có ủy quyền cho tôi tham gia tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với bà Kpă T, chủ nhiệm HTX dịch vụ sản suất nông nghiệp L H'N. Trong quá trình tham gia giải quyết, vào ngày 03/12/2010 bà N có đặt vấn đề mượn của tôi số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận không lãi suất, đến ngày 30/4/2011 sẽ trả đủ số tiền 150.000.000 đồng. Nếu bà N, P sai

(nghĩa là bà N, bà P không trả đồng nào) cam kết sẽ chịu phạt 10% tổng giá trị tiền vay (là 150.000.000 đồng)/ tháng. Tuy nhiên từ thời gian đó cho đến nay bà N chưa trả cho tôi đồng nào.

Đến ngày 25/4/2013 bà N đồng ý thanh toán toàn bộ tiền nợ, tiền hứa thưởng, tiền phạt và các chi phí khác tổng cộng là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) bao gồm: Tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng; tiền phạt là 42.000.000 đồng (tính từ ngày 30/4/2011 đến ngày 25/4/2013 là 28 tháng với lãi là 1%/tháng); Tiền xe Taxi với 04 lần đi đòi nợ là 8.000.000 đồng ; Tiền thù lao và hứa thưởng trong vụ kiện đòi nợ bà Trương Thị Ng năm 2011, mà bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N đã ủy quyền cho tôi tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là 300.000.000 đồng. Bà N cam kết với tôi đến ngày 25/5/2013 sẽ trả đủ số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn bà N, chị P không trả cho tôi số tiền 500.000.000 đồng như đã cam kết. Vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N, chị P phải có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng cho tôi. Tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N, bà Nguyễn Thị P liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng, còn lại số tiền 350.000.000 đồng rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N trình bày:

Do tôi có vụ kiện tại Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai, thông qua người giới thiệu tôi quen biết ông Đ và thỏa thuận tôi ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng, chúng tôi có lập biên bản thỏa thuận và giấy ủy quyền, thời gian đó tôi không có tiền chi phí đi lại nên ngày 03/12/2010 tôi vay của ông Đ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/tháng, thời hạn vay 04 tháng, tổng cộng tính cả lãi viết trong giấy vay tiền là 150.000.000 đồng. khi ủy quyền cho ông Đ tôi có giao cho ông Đ các giấy tờ Hợp đồng mua bán đất ngày 19/6/2008 tại 215 H, S, giấy nhận tiền ngày 2/8/2008, phụ lục hợp đồng ký ngày 23/11/2008 (tất cả đều là bản gốc). Cho đến nay ông Đ giải quyết vụ án cũng chưa xong, trong giấy vay tiền có phần viết "*Sau khi tất toán các khoản tính đến ngày 25/4/2013 mẹ con bà N, P còn nợ tôi (Đ) tổng số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng*) là do ông Đ tự viết thêm, tôi không chấp nhận. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu tôi trả 500.000.000 đồng, tôi chỉ chấp nhận trả 150.000.000 đồng và xin được trả dần, còn 350.000.000 đồng tôi không chấp nhận và tôi yêu cầu ông Đ trả lại cho tôi các giấy tờ ông Đ đã nhận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Vào ngày 03/12/2010 tôi đi theo mẹ tôi là bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N qua S chơi, mục đích là đi theo và được biết mẹ tôi và ông Đ có thỏa thuận về việc nhờ ông Đ làm đại diện theo ủy quyền kiện vụ án tranh chấp tiền, tôi chỉ biết vậy, trong lúc làm việc mẹ tôi có nói vay tiền của ông Đ để làm chi phí đi lại vụ kiện là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), cộng với lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), lúc đó không có ai nên ông Đ và mẹ tôi (bà N) có nhờ tôi ký vào để làm chứng nên tôi đã ký. Ngoài ra tôi không biết gì thêm.

Do các bên không thống nhất được phương án trả nợ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N trả cho ông Trần Mạnh Đ số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 350.000.000 đồng do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tòa án thị lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 12/5/2021 và ngày 27/5/2021 nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 350.000.000 đồng. Xét đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và phần trình bày của bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 03/12/2010 bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N và ông Trần Mạnh Đ có lập giấy vay tiền với số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận không lãi suất, hẹn đến ngày 30/4/2011 sẽ trả đủ số tiền 150.000.000 đồng. Đã được các bên thừa nhận chữ ký tại mục bên vay tiền và bên cho vay tiền là đúng chữ kỹ của mình. Tuy nhiên bà N cho rằng nguồn gốc số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), là bà N nhận 100.000.000 đồng tiền gốc và hai bên thỏa thuận cộng lãi vào gốc nên mới có số tiền vay 150.000.000 đồng nhưng bà N không có bất kỳ văn bản giấy tờ nào chứng minh về nguồn gốc số tiền vay 150.000.000 đồng. Mặt khác ông Đ không thừa nhận nguồn gốc số tiền 150.000.000 đồng là từ 100.000.000 đồng tiền gốc + với lãi mà cho rằng đưa đủ số tiền 150.000.000 đồng cho bà N. Như vậy, căn cứ giấy vay tiền lập ngày 03/12/2010, HĐXX xét thấy vào ngày 03/12/2010 bà N có vay của ông Đ số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận không lãi suất, hẹn đến ngày 30/4/2011 bà N sẽ trả đủ số tiền 150.000.000 đồng. Như vậy việc bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N vay của ông Trần Mạnh Đ số tiền 150.000.000 đồng là có thật,

việc xác lập hợp đồng vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cho vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P phải có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N: Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản tự khai, các biên bản đối chất bà P, bà N đều không thừa nhận bà P là người liên quan đến việc vay mượn của khoản vay 150.000.000 đồng, bà P cũng không phải là người sử dụng khoản tiền vay, mục đích vay tiền phục vụ nhu cầu cá nhân của bà N. Mặt khác, tại nội dung giấy vay tiền lập ngày 03/12/2010 chỉ thể hiện bà N là người ký vay tiền và ghi là người nhận đủ tiền của ông Đ. Do đó không có căn cứ buộc bà P liên đới trả nợ cùng với bà N.

[5] Về án phí:

Bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471; khoản 1, khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Mạnh Đ số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu đòi tiền phạt, số tiền thù lao hứa thưởng, tiền chi phí đi lại khác là 350.000.000 đồng. (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

2. Về án phí:

Bị đơn bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N phải chịu 7.500.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch (150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng);

Hoàn trả cho ông Trần Mạnh Đ số tiền 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0015612 ngày 20/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn